TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1166/2025/DS-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Minh Kiên;

Ông Võ Văn Tốt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nghị - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1574/2025/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2650/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn L, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số MN đường TQ, phường TSN, (phường SK, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lưu Bích L2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số BT đường QT, phường G, (Phường M, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Văn L trình bày:

Ngày 08/10/2024, ông Mai Văn L có cho bà Lưu Bích L2 vay số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng Công chứng Phan Thị Kim Cúc chứng nhận số công chứng 009494, quyển số 10/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2024 với nội dung: "Bên A (bên cho vay ông Mai Văn L), bên B (bên vay bà Lưu Bích L2), bên A đồng ý cho bên B vay và bên B đồng ý vay của bên A số tiền là: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Bên A sẽ giao bằng tiền mặt hoặc chuyển

khoản cho bên B, thời hạn vay: 03 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận căn cứ theo quy định của pháp luật".

Sau khi ông L và bà L2 ký Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng thì bà L2 có ký xác nhận mặt sau hợp đồng này với nội dung: *"Hôm nay ngày 08/10/2024 Tôi đã nhận đủ 300.000.000 đồng qua số tài khoản 13988888"*, bà L2 ký tên và ghi rõ họ tên Lưu Bích L2. Số tiền này là ông L vay của người khác (ông L chỉ biết tên là Nguyễn Phước Đ), sau đó ông L cho bà L2 vay, việc ông cho bà L2 vay tiền là tiền riêng cá nhân của ông không liên quan đến vợ ông L (bà Đinh Thị T) và ông L xác nhận chỉ cho cá nhân bà Lưu Bích L2 vay. Từ khi bà L2 vay tiền của ông L cho đến nay, bà L2 không trả số tiền nợ vay và lãi cho ông như cam kết. Ông L đã nhiều lần liên hệ với bà L2 nhưng bà L2 luôn trốn tránh, không có thiện chí trả số tiền nợ vay 300.000.000 đồng. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L2 có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và không yêu cầu bà L2 trả tiền lãi, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn bà Lưu Bích L2 đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để tự khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà L2 vẫn vắng mặt không có lý do, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

3. *Tại phiên tòa sơ thẩm*:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà L2 trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và không yêu cầu bà L2 trả lãi, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lưu Bích L2 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ông L khởi kiện yêu cầu bà L2 trả nợ vay từ Hợp đồng vay tiền. Bà L2 cư trú tại địa chỉ: Số BT đường QT, Phường M, quận G, (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Mai Văn L:

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 08/10/2024, ông Mai Văn L đồng ý cho bà Lưu Bích L2 vay số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất: Do hai bên tự thỏa thuận căn cứ theo quy định của pháp luật, Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng Phan Thị Kim Cúc chứng nhận số công chứng 009494, quyển số 10/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2024. Căn cứ Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch giữa ông L và bà L2 là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và có lãi.

Xét, tại mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 08/10/2024 bà L2 có ghi: *"Hôm nay ngày 08/10/2024 Tôi đã nhận đủ 300.000.000 đồng qua số tài khoản 13988888"*, bà L2 ký tên và ghi rõ họ tên Lưu Bích L2. Nguyên đơn trình bày, từ khi vay cho đến nay bà L2 không trả một phần tiền nào, bà L2 cũng không có ý kiến trình bày. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ..."* ông L yêu cầu bà L2 trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông L không yêu cầu bà L2 trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, do nguyên đơn ông Mai Văn L, sinh năm 1963 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Mai Văn L.

1.1. Bà Lưu Bích L2 có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn L số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 08/10/2024, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L2 chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà L2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Bích L2 phải chịu án phí là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Ông Mai Văn L, sinh năm 1963 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND khu vực X- TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Chinh